TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/**2017/DS-ST
Ngày 16/9/2017
V/v Chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hữu Tin;

2/ Ông Trần Phi Tiển.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ;

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 71/2017/TLST - DS ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc "*Chia di sản thừa kế*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXX – ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Văn Thị C - Sinh năm 19XX;

Địa chỉ: Số 0A, LVH, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam: Có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Văn Phú T - Sinh năm 19XX;

Địa chỉ: Số B, PCT, thành phố T, tỉnh Quảng Nam: Có đơn xin vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Văn Thị C - Sinh năm 19XX;

Địa chỉ: Ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Long An;

+ Bà Văn Thị Th - Sinh năm 19XX;

Địa chỉ: Số C,TXS, khu phố B, phường T, Quận D, thành phố H;

+ Ông Văn Phú Th - Sinh năm 19XX: Có mặt;

Địa chỉ: Số F đường số S, phường Y, quận T, thành phố H: Có mặt;

Bà Văn Thị C, bà Văn Thị Th ủy quyền cho ông Văn Phú Th tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 7 năm 2017.

+ Bà Văn Thị T - Sinh năm 19XX;

Địa chỉ: Kiệt A, đường TĐT, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam: Có mặt;

5/ Ông Nguyễn Thanh Y - Sinh năm 19XX.

Địa chỉ: Số A LVH, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khai:

Năm 1989 vợ chồng bà C, ông Y bỏ tiền ra và nhờ mẹ ruột của bà C là bà Trần Thị M *(sinh năm 1916, chết năm 2012)* đứng tên giấy tờ mua nhà và đất tại số 03 LV H, phường H, thành phố T. Hiện nay sổ nghiệp chủ nhà và đất do mẹ bà C đứng tên. Cha bà C là ông Văn Phú B *(sinh năm 1914, chết năm 2001)*; ông B chết không để lại di chúc; bà M chết để lại di chúc với nội dung giao phần giá trị tài sản của bà M đối với nhà và đất trên cho vợ chồng bà C để lập thủ tục sang tên.

Khi vợ chồng bà C làm thủ tục sang tên nhà và đất trên thì ông Văn Phú T không đồng ý. Do vậy, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ chia di sản thừa kế đối với nhà và đất trên theo di chúc và theo pháp luật, có tính đến chi phí tạo lập ban đầu và chi phí quản lý di sản của vợ chồng bà C, ông Y.

- Tại bản tự khai, bị đơn Văn Phú T trình bày: Cha mẹ ruột ông tên Văn Phú B và Trần Thị M. Khi cha mẹ ông chết có để lại tài sản là ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số A LVH, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Nay bà Văn Thị C khởi kiện chia di sản thừa kế đối với tài sản trên, đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật. Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh Y trình bày: Năm 1989, vợ chồng ông có nhờ mẹ vợ là bà Trần Thị M đứng tên mua nhà và đất tại số A LVH, phường H, thành phố T. Ngôi nhà trước đây là nhà tranh, vách cốt; đến năm 1993 vợ chồng ông bỏ tiền ra xây dựng lại bằng tường gạch, mái ngói và sử dụng cho đến nay. Năm 2011, bà Trần Thị M có lập di chúc để lại một phần nhà, đất trên cho vợ chồng ông. Nay bà Văn Thị C khởi kiện chia di sản thừa kế, ông đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Văn Phú T, bà Văn Thị C, bà Văn Thị T và bà Văn Thị Th đều xác định: Các ông, bà và bà C, ông T là con ruột của ông Văn Phú B và bà Trần Thị M. Năm 1989, mẹ Trần Thị M đứng tên mua giùm ngôi nhà cho vợ chồng bà C, ông Y. Vợ chồng bà C, ông Y bỏ tiền ra tu sửa ngôi nhà và sử dụng từ năm 1993 đến nay. Hiện nay giấy tờ nghiệp chủ là do mẹ Trần Thị M đứng tên. Nay bà C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, các ông, bà hoàn toàn ủng hộ. Đồng thời các ông, bà sẽ không nhận phần thừa kế của mình mà nhường hết cho bà C, ông Y đối với phần di sản của cha mẹ để lại. Việc mẹ Trần Thị M lập di chúc để lại tài sản cho bà C, ông Y là có thật, tự nguyện nên các ông, bà đồng ý, đề nghị pháp luật thừa nhận.

- *Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Giấy xác nhận những người đồng thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế; giấy thỏa thuận cho nhà và đất ở; trích lục sổ nghiệp chủ nhà ở; trích lục khai tử của ông Văn Phú B và bà Trần Thị M; di chúc lập ngày 30/5/2011; văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; kết quả thẩm định, định giá tài sản và các văn bản tố tụng khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án và các đương sự đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng*:* Bà Văn Thị C là con ruột của ông Văn Phú B và bà Trần Thị M; ông B chết năm 2001, không để lại di chúc, bà M chết năm 2012, để lại di chúc, giao một phần nhà tại số A LVH, phường H do bà Trần Thị M đứng tên sở hữu cho vợ chồng bà Văn Thị C, ông Nguyễn Thanh Y. Ông Văn Phú T *(anh ruột của bà C)* không thỏa thuận việc phân chia nhà và đất trên nên bà Văn Thị C khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ thụ lý, giải quyết vụ án Chia di sản thừa kế là đúng điều kiện, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015;

Dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Văn Phú T chỉ có ý kiến phản hồi, không tham gia các hoạt động tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn Thị C, Văn Thị Th đã ủy quyền cho ông Văn Phú Th. Do đó, Tòa án không tiến hành được phiên hòa giải theo khoản 1 Điều 207, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng quy định của pháp luật dân sự: Các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 về thừa kế có một số nội dung thay đổi so với quy định tương ứng tại Bộ luật dân sự năm 1995 và Bộ luật dân sự năm 2005 nhưng không ảnh hưởng nhiều đến quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan. Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xem xét các quy định về thừa kế của Bộ luật dân sự năm 1995, Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015 để làm căn cứ đánh giá các vấn đề liên quan đến thời điểm mở thừa kế, di sản, tính hợp pháp của di chúc, những người được hưởng thừa kế và việc chia di sản thừa kế, đồng thời căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015 để quyết định việc giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung*:*

- Về nhà và đất tại số A, LVH, phường H:

+ Trích lục sổ nghiệp chủ nhà ở và hồ sơ quản lý đất đai tại phường H thể hiện mảnh đất thuộc số A LVH, phường H, thành phố T thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ 24B, diện tích 117,6m^2; diện tích sau đo đạc thực tế là 122,9m^2; nguyên nhân chênh lệch diện tích là do biến động ranh giới. Trên cơ sở xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương, theo quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013, Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét, quyết định quyền lợi hợp pháp của các đương sự liên quan đối với diện tích đất thực tế thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 24B là 122,9m^2.

+ Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa khẳng định ông Văn Phú B và bà Trần Thị M là vợ chồng hợp pháp từ trước năm 1975. Năm 1993, cơ quan thẩm quyền cấp sổ nghiệp chủ đối với nhà và đất tại số A LVH, phường H cho bà Trần Thị M; đây là tài sản có trong thời kỳ hôn nhân nên thuộc sở hữu chung của vợ chồng bà M, ông B và là tài sản do bà M, ông B để lại, giá trị sau định giá là 662.200.000 đồng.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng bà C, ông Yên bỏ tiền ra mua và sửa chữa nhà nên đề nghị xem xét quyền lợi của ông Y, bà C trong việc này. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho nội dung này nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, quá trình đăng ký sử dụng đất của địa phương sau này cho thấy, từ năm 1993 đến nay, ông Y, bà C là người quản lý, sử dụng, nộp thuế nhà nước đối với nhà và đất tại số A LVH, phường H. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của người quản lý di sản, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trích trả chi phí quản lý di sản cho ông Y, bà C là 10% giá trị tài sản để lại, tương ứng với số tiền là 66.220.000 đồng.

+ Ông Văn Phú B và bà Trần Thị M chết để lại khối tài sản là nhà và đất tại số A LVH, phường H, thành phố T, bà C là con ruột của ông B, bà C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế. Ông B chết không để lại di chúc, bà M chết để lại di chúc với nội dung giao phần giá trị tài sản của bà đối với nhà, đất trên cho vợ chồng bà C; quá trình tố tụng không có căn cứ phủ nhận quyền hưởng thừa kế của bà C. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định việc khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

- ***Về việc chia di sản thừa kế:***

+ *Đối với di sản thừa kế của ông Văn Phú B*: Ông B chết ngày 15 tháng 12 năm 2001, không để lại di chúc. Do vậy, theo quy định tại các điều 636, 677, 678, 679 Bộ luật dân sự năm 1995 và các điều 611, 649, 650 Bộ luật dân sự 2015 thì thời điểm mở thừa kế là ngày 15 tháng 01 năm 2001, di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Tại thời điểm ông B chết, những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông B gồm vợ Trần Thị M và các con Văn Phú T, Văn Phú Th, Văn Thị C1, Văn Thị Th, Văn Thị C, Văn Thị T; do vậy theo quy định tại các điều 673, Điều 679 Bộ luật dân sự năm 1995 và các điều 612, 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì những người này là những người hưởng di sản thừa kế của ông B để lại; phần di sản của ông B để lại là ½ giá trị tài sản nhà và đất tại số A LVH, phường H, thành phố T sau khi trừ đi 66.220.0000 đồng chi phí quản lý di sản; giá trị di sản tương ứng là 297.990.000 đồng; giá trị di sản này chia đều cho 7 phần. Theo đó, bà M, ông T, ông Th, bà C1, bà C, bà Th, bà T, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là 42.570.000 đồng.

+ *Đối với di sản thừa kế của bà Trần Thị M:* Bà M chết ngày 06 tháng 8 năm 2012; di chúc do bà M để lại được 5 trong 6 người con xác nhận là có thực, tự nguyện, đồng thời di chúc đã được chứng thực hợp pháp tại cơ quan thẩm quyền. Do vậy, theo quy định tại các điều 633, 646, 652 Bộ luật dân sự năm 2005, các điều 611, 624, 630, 643 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định thời điểm mở thừa kế là ngày 06 tháng 8 năm 2012, di sản thừa kế được chia theo di chúc. Nội dung của bản di chúc do bà M lập, được công chứng vào ngày 30 tháng 5 năm 2011 xác định quyền sở hữu và sử dụng nhà đất tại phường H, thành phố T *(thuộc sổ nghiệp chủ do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp năm 2003 – nay là số A LVH)* để lại cho ông Nguyễn Thanh Y và bà Văn Thị C. Phần di sản của bà M để lại là ½ giá trị tài sản nhà và đất nêu trên cộng với giá trị kỷ phần thừa kế mà bà M nhận của ông B; giá trị di sản là 297.990.000 đồng +

42.570.000 đồng = 340.560.000 đồng. Theo quy định tại Điều 631 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 609 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định khối di sản này giao cho ông Y và bà C, mỗi người được hưởng phần bằng nhau, trị giá mỗi phần là 170.280.000 đồng.

- Việc xác định phần thừa kế của người hưởng thừa kế và chia di sản thừa kế theo hiện vật:

+ Trong quá trình tố tụng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Th, bà Th, bà C, bà T về việc nhường toàn bộ giá trị kỷ phần thừa kế cho bà C, ông Y theo khoản 2 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, giá trị phần bà C được nhận đối với di sản của ông B, bà M là 170.280.000 đồng + 42.470.000 đồng = 212.750.000 đồng; phần của ông Y được hưởng của bà M là 170.280.000 đồng; phần của ông Y, bà C được những người thừa kế nhượng lại và chi phí quản lý di sản là 236.100.000 đồng. Vậy, theo Điều 684 Bộ luật dân sự 2005, Điều 659 Bộ luật dân sự 2015 thì phần giá trị tài sản của ông Y, bà C trong tổng giá trị nhà và đất tại số A LVH, phường H là 619.130.000 đồng; phần giá trị di sản mà ông Văn Phú T được nhận là 42.570.000 đồng.

+ Ông Y và bà C là người quản lý di sản từ năm 1993 đến nay; hiện nay ông, bà đang sinh sống tại ngôi nhà này, do vậy, theo Điều 684 Bộ luật dân sự 2005, Điều 559 Bộ luật dân sự 2015 thì Hội đồng xét xử cần giao toàn bộ nhà và đất tại số A LVH cho ông Y và bà C sở hữu, sử dụng; tại phiên tòa, công nhận sự tự nguyện của ông Y, bà C về việc liên đới chịu trách nhiệm ngang nhau thối trả cho ông Văn Phú T số tiền 42.570.000 đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh Y, bà Văn Thị C và ông Văn Phú T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản họ được hưởng; các ông, bà này đã trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xét miễn tiền án phí cho ông Y, bà C, ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 609, 611, 612, 613; 623, 624, 630, 653, 650, 651, 659, 660, 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị C về yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản của ông Văn Phú B và bà Trần Thị M là nhà và đất tại số A LVH, phường H, thành phố T. Công nhận hiệu lực của bản di chúc của bà Trần Thị M lập ngày 30 tháng 5 năm 2011. Công nhận sự tự nguyện của các ông, bà Văn Thị C, Văn Thị Th, Văn Thị T, Văn Phú Th về việc nhượng kỷ phần thừa kế của mỗi người *(trị giá 42.570.000 đồng)* cho ông Nguyễn Thanh Y và bà Văn Thị C. Xác định ông Văn Phú T được hưởng kỷ phần thừa kế trị giá 42.570.000 đồng *(bốn mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng)*; ông Nguyễn Thanh Y và bà Văn Thị C có quyền sở hữu giá trị phần tài sản, di sản trị giá là 619.130.000 *(sáu trăm mười chín triệu, một trăm ba mươi*

nghìn) đồng – *phần riêng của bà C là 212.750.000 đồng; phần riêng của ông Y là 170.280.000 đồng; phần chung của ông Y, bà C là 236.100.000 đồng)*.

Giao toàn bộ nhà và đất trị giá 662.200.000 đồng tại số A LVH, phường H, thành phố T cho ông Nguyễn Thanh Y và bà Văn Thị C sở hữu, sử dụng. Gồm: 122,9m^2 đất tại thửa đất số 07, tờ bản đồ 24B *(nay thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ 45);* trên đất có nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, diện tích 72,24m^2, tọa lạc tại số A LVH, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; đất có tứ cận là:

- Phía Đông giáp với nhà ông Th;
- Phía Tây giáp với đất ông T;
- Phía Nam giáp đường Kênh N24;
- Phía Bắc giáp Kênh.

Ông Nguyễn Thanh Y và bà Văn Thị C có quyền, nghĩa vụ thực hiện thủ tục sang tên, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất trên theo quy định hiện hành.

Bà Văn Thị C và ông Nguyễn Thanh Y có nghĩa vụ liên đới *(không theo phần)* thối trả cho ông Văn Phú T 42.570.000 *(bốn mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn)* đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Văn Phú T có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Nguyễn Thanh Y, bà Văn Thị C không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét miễn tiền án phí cho ông Nguyễn Thanh Y, bà Văn Thị C và ông Văn Phú T.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh QN; T.p Tam Kỳ;
- Chi Cục THADS T.p Tam Kỳ;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Lưu HSVA, án văn.